

## QUYẾT ĐỊNH

### Quy định về phân công thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đắk Lắk

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giá số 16/2023/QH15;

Căn cứ Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 87/2024/NĐ-CP ngày 12 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong quản lý giá;

Căn cứ Thông tư số 28/2024/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về trình tự, thủ tục kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá;

Căn cứ Thông tư số 29/2024/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và kinh phí bảo đảm cho công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 44/2025/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 0281/NQ-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2025 của UBND tỉnh Đắk Lắk;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 251/TTr-STC ngày 17 tháng 10 năm 2025;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định quy định về phân công thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đắk Lắk.

#### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định về phân công thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đắk Lắk.

#### Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị được phân công thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đắk Lắk.

2. Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động trong lĩnh vực giá thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đắk Lắk.

#### Điều 3. Phân công tổ chức thực hiện bình ổn giá

1. Phân công các sở, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực về hàng hóa, dịch vụ có trách nhiệm đề xuất, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Tài chính) và tổ chức triển khai, hướng dẫn thực hiện bình ổn giá đối với các hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá theo quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Luật Giá số 16/2023/QH15, cụ thể như sau:

a) Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì đối với các mặt hàng: thóc tẻ, gạo tẻ; phân đạm, phân DAP, phân NPK; thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản; vắc - xin phòng bệnh cho gia súc, gia cầm; thuốc bảo vệ thực vật;

b) Sở Công Thương chủ trì đối với các mặt hàng: xăng, dầu thành phẩm; khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG);

c) Sở Y tế chủ trì đối với các mặt hàng: sữa dành cho trẻ em dưới 06 tuổi; thuốc thuộc danh mục thuốc thiết yếu được sử dụng tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

d) Sở, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực đề xuất đối với hàng hóa, dịch vụ được bổ sung vào Danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá và hàng hóa, dịch vụ không nằm trong Danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá nhưng cần bình ổn giá ngay theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 20 của Luật Giá số 16/2023/QH15. Trường hợp hàng hóa, dịch vụ thuộc lĩnh vực quản lý của nhiều sở, ngành thì Ủy ban nhân dân tỉnh phân công cho một trong các sở quản lý ngành, lĩnh vực về hàng hóa, dịch vụ chủ trì tổ chức thực hiện.

2. Sở Tài chính tổng hợp, trên cơ sở đề xuất của các Sở, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định chủ trương, biện pháp, thời hạn bình ổn giá phù hợp và phân công tổ chức thực hiện theo quy định của pháp luật về bình ổn giá.

3. Ngân hàng Nhà nước Khu vực 11 phối hợp với các sở, ngành trong việc tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh và tổ chức thực hiện đối với biện pháp tiền tệ phù hợp với quy định của pháp luật để bình ổn giá.

4. Ủy ban nhân dân cấp xã theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện các biện pháp bình ổn giá trên địa bàn theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh.

#### **Điều 4. Phân công tổ chức thực hiện định giá**

##### **1. Lập phương án giá hàng hóa, dịch vụ**

a) Đối với hàng hóa, dịch vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh định giá: Các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ thẩm định phương án giá hàng hóa, dịch vụ quy định tại khoản 2 Điều này có trách nhiệm tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh lựa chọn, yêu cầu cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ lập phương án giá.

b) Việc lựa chọn tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Giá.

##### **2. Thẩm định phương án giá**

a) Ủy ban nhân dân tỉnh phân công cơ quan, đơn vị chuyên môn trực thuộc theo chức năng, nhiệm vụ về quản lý ngành, lĩnh vực của hàng hóa, dịch vụ thực hiện việc thẩm định phương án giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của Ủy ban nhân dân tỉnh theo Phụ lục I kèm theo Quyết định này.

b) Cơ quan, đơn vị được phân công thực hiện việc thẩm định phương án giá là đơn vị có văn bản trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định giá. Hồ sơ trình ban hành văn bản định giá thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 11 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP.

c) Đối với giá các hàng hóa, dịch vụ khác thuộc thẩm quyền định giá của Ủy ban nhân dân tỉnh theo các quy định pháp luật chuyên ngành: trường hợp tại quy định chuyên ngành có quy định rõ cơ quan, đơn vị thực hiện thẩm định phương án giá thì thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành; trường hợp giao Ủy ban nhân dân tỉnh phân công thẩm định phương án giá thì Sở quản lý ngành, lĩnh vực thực hiện thẩm định phương án giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc chức năng quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực.

3. Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ thuộc Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan. Trường hợp chưa có quy định thì cơ quan, đơn vị được phân công thẩm định phương án giá quy định tại khoản 2 Điều 4 Quyết định này có trách nhiệm tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật (tên gọi chi tiết, chủng loại cụ thể hoặc đặc điểm cơ bản của hàng hóa, dịch vụ) trên cơ sở tên gọi chung của hàng hóa, dịch vụ trong Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá theo thẩm quyền và phù hợp với yêu cầu công tác quản lý nhà nước về giá trên địa bàn.

#### **Điều 5. Phân công tổ chức thực hiện kê khai giá**

1. Danh mục các hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá và Cơ quan tiếp nhận kê khai giá được quy định tại Phụ lục II kèm theo Quyết định này.

2. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Thuế tỉnh Đắk Lắk, các Sở, ngành liên quan, UBND cấp xã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Danh sách kê khai giá thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Ủy ban nhân dân tỉnh định kỳ trước ngày 15 tháng 02 hàng năm. Trường hợp trong năm phát sinh yêu cầu cần điều chỉnh Danh sách kê khai giá thì các cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận kê khai giá rà soát Danh sách, gửi Sở Tài chính tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Danh sách kê khai giá bổ sung. Trường hợp đến hạn rà soát định kỳ hằng năm mà không phát sinh yêu cầu phải điều chỉnh Danh sách kê khai giá thì không cần tham mưu ban hành Danh sách kê khai giá mới.

3. Căn cứ vào tình hình thực tế tại địa phương, trong trường hợp cần thiết, các cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận kê khai giá đối với hàng hóa, dịch vụ đặc thù quy định tại khoản 1 Điều này có văn bản đề xuất bổ sung một số hàng hóa, dịch vụ đặc thù thực hiện kê khai giá gửi Sở Tài chính trình Ủy ban nhân dân tỉnh bổ sung vào Danh sách kê khai giá.

4. Cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận kê khai giá đối với hàng hóa, dịch vụ đặc thù tại phần B Phụ lục II Quyết định này trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ đặc thù do mình tiếp nhận.

5. Cách thức thực hiện và tiếp nhận kê khai giá thực hiện theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP.

**Điều 6. Phân công tổ chức thực hiện tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường**

1. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và xây dựng báo cáo giá thị trường trên địa bàn tỉnh, trực tiếp gửi báo cáo định kỳ hằng tháng, 3 tháng, 6 tháng, 9 tháng, cả năm và báo cáo đột xuất cho Bộ Tài chính theo quy định tại Thông tư số 29/2024/TT-BTC quy định về công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và kinh phí bảo đảm cho công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường, đồng thời báo cáo cho Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Phân công các cơ quan được giao nhiệm vụ tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường định kỳ:

a) Thông kê tình Đắc Lắc: Phối hợp cung cấp báo cáo chỉ số giá tiêu dùng (CPI) của địa phương; phân tích diễn biến CPI của địa phương trong kỳ báo cáo; phân tích thực trạng, nguyên nhân của các yếu tố tác động đến (CPI);

b) Sở Nông nghiệp Môi trường: Tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường trên địa bàn tỉnh đối với các mặt hàng Thóc tẻ, Gạo tẻ, Đường ăn thuộc danh mục Lương thực, thực phẩm và nhóm hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục Vật tư nông nghiệp tại Phụ lục số II ban hành kèm theo Thông tư 29/2024/TT-BTC;

c) Sở Xây dựng: Tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường trên địa bàn tỉnh đối với nhóm hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục Vật liệu xây dựng, chất đốt (trừ mặt hàng Thép và Khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)) và nhóm hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục Giao thông tại Phụ lục số II ban hành kèm theo Thông tư số 29/2024/TT-BTC;

d) Sở Công Thương: Tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường trên địa bàn tỉnh đối với nhóm hàng hóa Thép xây dựng và Khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) thuộc danh mục Vật liệu xây dựng, chất đốt tại Phụ lục số II ban hành kèm theo Thông tư số 29/2024/TT-BTC;

đ) Sở Y tế: Tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường trên địa bàn tỉnh đối với nhóm hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục Dịch vụ y tế tại Phụ lục số II ban hành kèm theo Thông tư 29/2024/TT-BTC;

e) Sở Giáo dục và Đào tạo: Tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường trên địa bàn tỉnh đối với danh mục học phí, dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo tại cơ sở giáo dục mầm non công lập và cơ sở giáo dục phổ thông công lập thuộc danh mục Dịch vụ giáo dục trên địa bàn tỉnh tại Phụ lục số II ban hành kèm theo Thông tư số 29/2024/TT-BTC;

g) Các cơ sở giáo dục đại học công lập, cơ sở giáo dục nghề nghiệp thuộc phạm vi quản lý của tỉnh có trách nhiệm báo cáo về mức học phí, mức giá dịch vụ giáo dục, đào tạo thuộc thẩm quyền quyết định của đơn vị mình theo yêu cầu của Sở Tài chính để phục vụ công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường trên địa bàn tỉnh đối với danh mục học phí, dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo tại cơ sở giáo dục đại học công lập và cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập thuộc danh mục Dịch vụ giáo dục trên địa bàn tỉnh tại Phụ lục số II ban hành kèm theo Thông tư số 29/2024/TT-BTC;

h) UBND cấp xã: Tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường trên địa bàn tỉnh đối với nhóm hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục Lương thực, thực phẩm tại Phụ lục số II ban hành kèm theo Thông tư số 29/2024/TT-BTC.

3. Tần suất thực hiện, thời gian chốt số liệu và thời hạn của báo cáo định kỳ gửi Bộ Tài chính thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Thông tư số 29/2024/TT-BTC.

4. Thời hạn các cơ quan được giao nhiệm vụ tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường định kỳ tại khoản 2 Điều này gửi báo cáo về Sở Tài chính: Trước ngày 25 của tháng kỳ báo cáo đối với báo cáo tháng và trước ngày 25 của tháng cuối cùng của kỳ báo cáo quý, 6 tháng, 9 tháng và cả năm.

5. Trường hợp yêu cầu báo cáo giá thị trường đột xuất: Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các Sở, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực tổ chức thực hiện công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và xây dựng báo cáo, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Tài chính theo yêu cầu.

## **Điều 7. Phân công tổ chức thực hiện cập nhật, khai thác và quản lý phần mềm Cơ sở dữ liệu (CSDL) về giá**

### **1. Quản lý cơ sở dữ liệu về giá**

#### **a) Trách nhiệm của Sở Tài chính**

Quản lý, vận hành hệ thống hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin đảm bảo CSDL về giá trên địa bàn tỉnh được thông suốt.

Đảm bảo hạ tầng kỹ thuật cho việc đồng bộ CSDL về giá trên địa bàn tỉnh Đắc Lắc với Hệ thống CSDL quốc gia về giá.

Thực hiện vận hành, bảo trì, nâng cấp, kiểm tra dữ liệu bảo đảm an toàn cho CSDL về giá.

Hỗ trợ, xử lý vướng mắc của các đơn vị trong quá trình sử dụng CSDL về giá trên địa bàn tỉnh.

#### **b) Trách nhiệm của Sở Khoa học và Công nghệ**

Phối hợp với Sở Tài chính, hỗ trợ về kỹ thuật, vướng mắc phát sinh để đảm bảo hệ thống CSDL về giá trên địa bàn tỉnh được hoạt động ổn định, thông suốt.

### **2. Trách nhiệm cập nhật thông tin vào CSDL về giá trên địa bàn tỉnh**

#### **a) Sở Tài chính**

Báo cáo giá thị trường trên địa bàn tỉnh theo quy định của Bộ Tài chính.

Giá tính lệ phí trước bạ do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành theo quy định của pháp luật.

Giá hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của Ủy ban nhân dân tỉnh do Sở Tài chính chủ trì tham mưu.

Danh sách các tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá.

Thông báo kết quả thẩm định giá của Hội đồng thẩm định giá do Sở Tài chính quyết định thành lập hoặc tham mưu cho cơ quan có thẩm quyền quyết định thành lập theo quy định.

Giá hàng hóa dịch vụ khác theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh do Sở Tài chính chủ trì tham mưu hoặc quyết định ban hành theo thẩm quyền.

b) Các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Xây dựng, Y tế, Tư pháp, Công Thương, Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Giá hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của Ủy ban nhân dân tỉnh do cơ quan mình chủ trì tham mưu.

Danh sách các tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá; giá hàng hóa dịch vụ được thực hiện kê khai thuộc thẩm quyền tiếp nhận kê khai giá.

Thông báo kết quả thẩm định giá của Hội đồng thẩm định giá do cơ quan mình quyết định thành lập hoặc tham mưu cho cơ quan có thẩm quyền quyết định thành lập theo quy định.

Giá hàng hóa dịch vụ khác theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh do cơ quan mình chủ trì tham mưu hoặc quyết định ban hành theo thẩm quyền.

c) UBND cấp xã

Giá hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục báo cáo giá thị trường đối với nhóm hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục Lương thực, thực phẩm tại Phụ lục số II ban hành kèm theo Thông tư số 29/2024/TT-BTC.

Giá hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của Ủy ban nhân dân tỉnh do Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì tham mưu.

Thông báo kết quả thẩm định giá của Hội đồng thẩm định giá do Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thành lập.

Giá hàng hóa dịch vụ khác theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh do Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì tham mưu ban hành hoặc quyết định ban hành theo thẩm quyền.

## **Điều 8. Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá**

1. Sở Tài chính:

a) Kiểm tra các sở, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp xã về việc thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá được Ủy ban nhân dân tỉnh phân công tại Quyết định này;

b) Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá theo quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Các sở, ngành, cơ quan cấp tỉnh:

a) Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc;

b) Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá của các tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc lĩnh vực, phạm vi quản lý nhà nước về giá của sở, ngành, cơ quan mình theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Điều 4, Điều 5 Quyết định này và theo quy định của pháp luật có liên quan.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã:

a) Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc;

b) Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá của các tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc lĩnh vực, địa bàn, phạm vi quản lý nhà nước về giá của Ủy ban nhân dân cấp xã theo quy định của pháp luật.

4. Trình tự, thủ tục kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá thực hiện theo quy định tại Thông tư số 28/2024/TT-BTC quy định về trình tự, thủ tục kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá.

#### **Điều 9. Hiệu lực thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 31 tháng 10 năm 2025.

2. Bãi bỏ các Quyết định sau:

a) Quyết định số 73/2024/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2024 của UBND tỉnh Phú Yên quy định về phân công thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Phú Yên.

b) Quyết định số 12/2025/QĐ-UBND ngày 25 tháng 02 năm 2025 của UBND tỉnh Đắk Lắk quy định phân công nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

#### **Điều 10. Tổ chức thực hiện**

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Trương Công Thái**

**Phụ lục I.**  
**PHÂN CÔNG THỰC HIỆN VIỆC THẨM ĐỊNH PHƯƠNG ÁN GIÁ**  
*(Kèm theo Quyết định số 018/2025/QĐ-UBND ngày 31/10/2025*  
*của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk)*

| STT | Tên hàng hóa, dịch vụ                                                                                                                                                                                                              | Cơ quan, đơn vị thẩm định phương án giá |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|
| 1   | Giá tối đa dịch vụ sử dụng đường bộ của các dự án đầu tư xây dựng đường bộ (trừ dịch vụ sử dụng đường bộ cao tốc) để kinh doanh, do địa phương quản lý                                                                             | Sở Xây dựng                             |
| 2   | Dịch vụ sử dụng cảng, nhà ga (bao gồm cảng, bến thủy nội địa; cảng cá) được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý                                                                                          |                                         |
| 2.1 | Giá tối đa dịch vụ sử dụng cảng, nhà ga (bao gồm cảng, bến thủy nội địa) được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý                                                                                        | Sở Xây dựng                             |
| 2.2 | Giá tối đa dịch vụ sử dụng cảng cá được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý                                                                                                                              | Sở Nông nghiệp và Môi trường            |
| 3   | Giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đối với công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước thuộc phạm vi, thẩm quyền quản lý, đặt hàng của địa phương                                                                         | Sở Nông nghiệp và Môi trường            |
| 4   | Giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác đối với công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước thuộc phạm vi, thẩm quyền quản lý của địa phương                                                                                       | Sở Nông nghiệp và Môi trường            |
| 5   | <b>Nước sạch</b>                                                                                                                                                                                                                   |                                         |
| 5.1 | Giá cụ thể đối với nước sạch công trình nông thôn tập trung                                                                                                                                                                        | Sở Nông nghiệp và Môi trường            |
| 5.2 | Giá cụ thể đối với nước sạch còn lại ngoại trừ mục 5.1                                                                                                                                                                             | Sở Xây dựng                             |
| 6   | Giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công (dịch vụ sự nghiệp công và sản phẩm, dịch vụ công ích) trong danh mục được cấp có thẩm quyền ban hành, sử dụng ngân sách nhà nước và thuộc thẩm quyền đặt hàng của cơ quan, tổ chức ở địa phương | Sở quản lý ngành, lĩnh vực              |
| 7   | Giá cụ thể dịch vụ kiểm dịch y tế, y tế dự phòng tại cơ sở y tế công lập                                                                                                                                                           | Sở Y tế                                 |
| 8   | Giá cụ thể dịch vụ điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện tại các đơn vị sự nghiệp công lập                                                                                                                                         | Sở Y tế                                 |
| 9   | Dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước tính giá theo lộ trình thu của người sử dụng dịch vụ                                                                                                                             | Sở, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực     |

| STT  | Tên hàng hóa, dịch vụ                                                                                                                                                                                                              | Cơ quan, đơn vị<br>thẩm định<br>phương án giá |
|------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------|
| 10   | Khung giá rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất thuộc sở hữu toàn dân thuộc phạm vi quản lý của địa phương                                                                                                                   | Sở Nông nghiệp và Môi trường                  |
| 11   | Giá cụ thể dịch vụ đo đạc, lập bản đồ địa chính trong trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất mới hoặc cho phép thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng đất ở những nơi chưa có bản đồ địa chính có tọa độ | Sở Nông nghiệp và Môi trường                  |
| 12   | Giá cụ thể dịch vụ nghĩa trang, dịch vụ hỏa táng của cơ sở hỏa táng được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước                                                                                                                    | Sở Xây dựng                                   |
| 13   | Giá tối đa dịch vụ ra, vào bến xe ô tô                                                                                                                                                                                             | Sở Xây dựng                                   |
| 14   | Dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt                                                                                                                                                                         |                                               |
| 14.1 | Giá tối đa dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt áp dụng đối với chủ đầu tư, cơ sở thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt                                                                       | Sở Nông nghiệp và Môi trường                  |
| 14.2 | Giá cụ thể dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp, hộ gia đình, cá nhân    | Sở Nông nghiệp và Môi trường                  |
| 15   | Giá cụ thể dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải (trừ giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải đối khu công nghiệp, cụm công nghiệp được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước)                                          | Sở Xây dựng                                   |
| 16   | Giá cụ thể dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước                                                                                                                                                      | Sở Xây dựng                                   |
| 17   | Giá cụ thể dịch vụ thuê công trình hạ tầng kỹ thuật dùng chung đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước                                                                                                                                  | Sở Xây dựng                                   |
| 18   | Giá tối đa dịch vụ theo yêu cầu liên quan đến việc công chứng                                                                                                                                                                      | Sở Tư pháp                                    |
| 19   | Giá cụ thể dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ được đầu tư từ nguồn vốn nhà nước                                                                                                                                            | Sở Công Thương                                |

**Phụ lục II.**  
**DANH MỤC CÁC HÀNG HÓA, DỊCH VỤ THỰC HIỆN**  
**KÊ KHAI GIÁ VÀ CƠ QUAN TIẾP NHẬN KÊ KHAI GIÁ**  
*(Kèm theo Quyết định số 018/2025/QĐ-UBND ngày 31/10/2025*  
*của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk)*

| STT        | Tên hàng hóa, dịch vụ                                                                                                                     | Cơ quan tiếp nhận kê khai giá                                                                                                             |
|------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>A</b>   | <b>Hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá trên phạm vi cả nước</b>                                                                       |                                                                                                                                           |
| <b>I</b>   | <b>Hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá</b>                                                                                                      |                                                                                                                                           |
| 1          | Xăng, dầu thành phẩm                                                                                                                      | Sở Công Thương                                                                                                                            |
| 2          | Khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)                                                                                                                 | Sở Công Thương                                                                                                                            |
| 3          | Sữa dành cho trẻ em dưới 06 tuổi                                                                                                          | Sở Y tế                                                                                                                                   |
| 4          | Thóc tẻ, gạo tẻ                                                                                                                           | Sở Nông nghiệp và Môi trường                                                                                                              |
| 5          | Phân đạm; phân DAP; phân NPK                                                                                                              | Sở Nông nghiệp và Môi trường                                                                                                              |
| 6          | Thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản                                                                                                       | Sở Nông nghiệp và Môi trường                                                                                                              |
| 7          | Vắc - xin phòng bệnh cho gia súc, gia cầm                                                                                                 | Sở Nông nghiệp và Môi trường                                                                                                              |
| 8          | Thuốc bảo vệ thực vật                                                                                                                     | Sở Nông nghiệp và Môi trường                                                                                                              |
| 9          | Thuốc thuộc danh mục thuốc thiết yếu được sử dụng tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh                                                          | Sở Y tế                                                                                                                                   |
| <b>II</b>  | <b>Hàng hoá, dịch vụ do Nhà nước định khung giá, giá tối đa, giá tối thiểu để các tổ chức định mức giá cụ thể bán cho người tiêu dùng</b> | Sở được giao thẩm định phương án giá có trách nhiệm tiếp nhận kê khai giá hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền thẩm định giá phương án giá. |
| <b>III</b> | <b>Hàng hóa, dịch vụ thiết yếu khác do Chính phủ ban hành</b>                                                                             |                                                                                                                                           |
| 1          | Xi măng                                                                                                                                   | Sở Xây dựng                                                                                                                               |
| 2          | Nhà ở, nhà chung cư                                                                                                                       | Sở Xây dựng                                                                                                                               |
| 3          | Công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung đầu tư ngoài nguồn ngân sách nhà nước (giá thuê)                                                | Sở Xây dựng                                                                                                                               |
| 4          | Thép xây dựng                                                                                                                             | Sở Công Thương                                                                                                                            |

| STT | Tên hàng hóa, dịch vụ                                                                                                                                                                                                                                                                | Cơ quan tiếp nhận kê khai giá   |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|
| 5   | Than                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Sở Công Thương                  |
| 6   | Etanol nhiên liệu không biến tính                                                                                                                                                                                                                                                    | Sở Công Thương                  |
| 7   | Khí tự nhiên hóa lỏng (LNG); khí thiên nhiên nén (CNG)                                                                                                                                                                                                                               | Sở Công Thương                  |
| 8   | Thuốc thú y để tiêu độc, sát trùng, tẩy trùng, trị bệnh cho gia súc, gia cầm và thủy sản                                                                                                                                                                                             | Sở Nông nghiệp và Môi trường    |
| 9   | Đường ăn bao gồm đường trắng và đường tinh luyện                                                                                                                                                                                                                                     | Sở Nông nghiệp và Môi trường    |
| 10  | Muối ăn                                                                                                                                                                                                                                                                              | Sở Nông nghiệp và Môi trường    |
| 11  | Dịch vụ tại cảng biển khác ngoài hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá                                                                                                                                                                                                              | Sở Xây dựng                     |
| 12  | Dịch vụ vận chuyển hành khách bằng đường sắt loại ghế ngồi cứng, ghế ngồi mềm                                                                                                                                                                                                        | Sở Xây dựng                     |
| 13  | Dịch vụ vận tải hành khách tuyến cố định bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                                               | Sở Xây dựng                     |
| 14  | Thực phẩm chức năng cho trẻ em dưới 06 tuổi                                                                                                                                                                                                                                          | Sở Y tế                         |
| 15  | Thiết bị y tế                                                                                                                                                                                                                                                                        | Sở Y tế                         |
| 16  | Dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước                                                                                                                                                                                                | Sở Y tế                         |
| 17  | Dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh cho người tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân                                                                                                                                                                                                        | Sở Y tế                         |
| B   | <b>Hàng hóa, dịch vụ đặc thù thực hiện kê khai giá tại địa phương (áp dụng linh hoạt nếu cần thiết): Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ yêu cầu, mục tiêu quản lý, tình hình thực tế tại địa phương để lựa chọn tiếp nhận kê khai giá trong số danh mục những hàng hóa dịch vụ sau:</b> |                                 |
| 1   | Dịch vụ lưu trú                                                                                                                                                                                                                                                                      | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch |

| <b>STT</b> | <b>Tên hàng hóa, dịch vụ</b>                                                                                | <b>Cơ quan tiếp nhận kê khai giá</b> |
|------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------|
| 2          | Dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước                                    | Sở Xây dựng                          |
| 3          | Dịch vụ tham quan tại khu du lịch trên địa bàn                                                              | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch      |
| 4          | Dịch vụ vận tải hành khách bằng taxi                                                                        | Sở Xây dựng                          |
| 5          | Dịch vụ vận tải hành khách tham quan du lịch                                                                | Sở Xây dựng                          |
| 6          | Dịch vụ vận tải hàng hóa và hành khách tuyến cố định bằng đường thủy nội địa-đường biển                     | Sở Xây dựng                          |
| 7          | Vật liệu xây dựng chủ yếu khác (ngoài xi măng, thép quy định tại Danh mục kê khai giá trên phạm vi cả nước) | Sở Xây dựng                          |
| 8          | Giống phục vụ sản xuất nông nghiệp                                                                          | Sở Nông nghiệp và Môi trường         |
| 9          | Dịch vụ chủ yếu tại chợ ngoài dịch vụ do Nhà nước định giá                                                  | Sở Công Thương                       |
| 10         | Dịch vụ kinh doanh nước khoáng nóng                                                                         | Sở Nông nghiệp và Môi trường         |